

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2021/DS-PT
Ngày 19 tháng 01 năm 2021
“V/v tranh chấp thừa kế tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ H**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hồng.

Các thẩm phán: Ông Lê Hoàng Tấn.

Bà Trần Thị Hòa Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Trang- Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Vâng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 19 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố H xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 490/2020/TLPT-DS ngày 14 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp thừa kế tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2020/DS-ST ngày 30/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 4102/2020/QĐPT-DS ngày 14 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phạm Trung C sinh năm 1965.

Địa chỉ: Khu phố X, phường Z, thành phố T, tỉnh N, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Lê Thị Kiều Diễm, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp N, xã B, huyện D, tỉnh N, có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Phạm Phương Y, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Khu phố X, phường Z, thành phố T, tỉnh N, có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Phạm Thị Mỹ H1, sinh năm 1957.

Địa chỉ: khu phố 1, Phường 2, thành phố T, tỉnh N, vắng mặt.

3.2. Bà Phạm Thị Kim H2, sinh năm: 1960.

Địa chỉ: khu phố 2, Phường 1, thành phố T, vắng mặt.

3.3. Bà Phạm Thị Minh P, sinh năm: 1962.

Địa chỉ: khu phố 2, Phường 3, thành phố T, tỉnh N, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị Mỹ H, bà Phạm Thị Kim H và bà Phạm Thị Minh P: Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Khu phố Hiệp L, phường Hiệp T, thị xã Hòa T, tỉnh N (Theo các Văn bản ủy quyền ngày 23/3/2020, ngày 03/4/2020, ngày 11/01/2021), có mặt.

3.4. Bà Phạm Thu S, sinh năm 1970.

Địa chỉ trước đây: Phường 9, quận Phú N, Thành phố H.

Địa chỉ hiện nay: Số 134 Hillcrest Lane - Apt. 3N, Bartlett, IL 60103 USA, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thu S: Bà Phạm Thanh T, sinh năm: 1970.

Địa chỉ: Đường Hồ Văn H, Phường 9, quận Phú N, Thành phố H, vắng mặt.

3.5. Bà Phạm Thanh T, sinh năm: 1970.

Địa chỉ: Đường Hồ Văn H, Phường 9, quận Phú N, Thành phố H, vắng mặt.

3.6. Ông Hà Thanh Nhật Đ, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Khu phố X, phường Z, thành phố T, tỉnh N (chồng bà Y), vắng mặt.

3.7. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Khu phố X, phường Z, thành phố T, tỉnh N.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị P: Bà Lê Thị Kiều Diễm, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp Ninh An, xã Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh N, có mặt.

3.8. Ông Phạm bảo C, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Khu phố H, phường Hiệp T, thị xã Hòa T, tỉnh N, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.9. Ông Phạm Bảo N, sinh năm 1981.

Địa chỉ: khu phố H, phường Hiệp T, thị xã Hòa Thành, tỉnh N, có đơn xin xét xử vắng mặt,

3.10. Bà Phạm Hồng N, sinh năm 1983.

Địa chỉ: khu phố H, phường Hiệp T, thị xã Hòa Thành, tỉnh N, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.11. Bà Phạm Bảo Q, sinh năm 1985.

Địa chỉ: khu phố H, phường Hiệp T, thị xã Hòa Thành, tỉnh N, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.12. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh tỉnh N - Phòng Giao dịch khu vực Hiệp N.

Địa chỉ: khu phố Hiệp L, phường Hiệp N, thành phố T, tỉnh N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Cao Tấn Trình, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh tỉnh N.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Châu Thành T chức vụ: Giám đốc Phòng Giao dịch khu vực Hiệp N (theo Giấy ủy quyền ngày 28-10-2019), có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:* Bà Phạm Phương Y là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn ông Phạm Trung C và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:* Cha mẹ ông là cụ Phạm Văn L (chết ngày 07/11/2019) và cụ bà Nguyễn Thị X (chết 21/02/2019). Cụ L, cụ X có 07 người con chung gồm: Phạm Thị Mỹ H, Phạm Thị Kim H, Phạm Thị Minh P, Phạm Thanh T, Phạm Thu S, Phạm Phương Y và Phạm Trung C. Ngoài ra, cụ Phạm Văn L còn có 04 người con riêng gồm: Phạm Hồng N, Phạm bảo C, Phạm Bảo N, Phạm Bảo Q.

Khi còn sống cụ L, cụ X có tạo lập được các tài sản là căn nhà cấp 3A gắn liền với phần đất có diện tích 169,6m², thuộc thửa số 220, tờ bản đồ số 43, tọa lạc tại Khu phố X, phường Z, thành phố T, tỉnh N. Do cụ X là người mất năng lực hành vi dân sự và cụ L là người giám hộ cho cụ X nhưng cụ L lấy tài sản chung là căn nhà cấp 3A gắn liền với phần đất có diện tích 169,6m² tặng cho bà Phạm Phương Y là trái pháp luật. Vì vậy ông C khởi kiện yêu cầu vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ở ngày 29/9/2017 giữa cụ ông Phạm Văn L, cụ bà Nguyễn Thị X và bà Phạm Phương Y; yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS06473 ngày 25/10/2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp cho bà Phạm Phương Y.

Trong quá trình giải quyết vụ án, cụ Phạm Văn L và cụ Nguyễn Thị X đều chết năm 2019, nên ngày 28/12/2018, ông C có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS06473 ngày 25/10/2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp cho bà Phạm Phương Y.

Ngày 06/01/2020, ông C thay đổi yêu cầu khởi kiện và khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, giữa cụ ông Phạm Văn L, cụ bà Nguyễn Thị X với bà Phạm Phương Y và yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản của cụ bà Nguyễn Thị X chết để lại là 1/2 giá trị căn nhà cấp 3A gắn liền với phần đất có diện tích đất, thuộc thửa đất số 220, tờ bản đồ số 43 để chia cho 07 người con chung của cụ X, cụ L. Ông C yêu cầu được hưởng 01 phần di sản thừa kế trị giá bằng tiền. Còn lại 1/2 giá trị căn nhà cấp 3A gắn liền với phần đất có diện tích đất thuộc thửa số 220, tờ bản đồ số 43 là di sản của cụ Phạm Văn L, khi còn sống cụ L đã tặng cho bà Phạm Phương Y nên ông C không yêu cầu chia thừa kế. Đối với các tài sản khác có trên đất tranh chấp và thống nhất người nhận đất được hưởng các tài sản khác có trên đất.

Đối với căn kiot gắn liền với phần đất có diện tích 110,7m², thuộc thửa đất số 55, tờ bản đồ số 43 đã được Tòa án tỉnh N giải quyết bằng Bản án dân sự phúc thẩm số: 104/2017/DS-PT ngày 21-6-2017 xác định ông Phạm Trung C và bà Nguyễn Thị P được quyền quản lý, sử dụng. Ông C đã được cấp giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất. Nên không phải là di sản thừa kế của cụ Phạm Văn L và cụ Nguyễn Thị X để lại.

- *Bị đơn bà Phạm Phương Y trình bày:* Bà thống nhất với lời trình bày của ông C về quan hệ huyết thống và con chung của cụ Phạm Văn L và cụ Nguyễn Thị X. Trước đây cụ L và cụ X có hai phần đất gồm diện tích 169,6m² (trên đất có căn nhà cấp 3A) và diện tích 110,7m² (trên đất có căn kiot), cả hai phần đất này liền kề nhau, đều tọa lạc tại Khu phố X, phường Z, thành phố T. Vào năm 2005 ông C lừa dối cụ X và cụ L để kê khai đứng tên quyền sử dụng đất toàn bộ đất. Năm 2016, cụ L phát hiện nên đã khởi kiện ông C và được Tòa án giải quyết bằng Bản án số: 104/2017/DS-PT ngày 21-6-2017 của Tòa án nhân dân tỉnh N, do cụ X là người mất năng lực hành vi dân sự nên cụ L làm đại diện và đồng ý cho ông C diện tích 110,7m², tờ bản đồ số 43 (trên đất có căn kiot); ông C trả lại cho cụ L và cụ X diện tích 169,6m² tờ bản đồ số 43 (trên đất có căn nhà cấp 3A). Sau đó cụ L kê khai đăng ký cấp quyền sử dụng đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 169,6m² có gắn căn nhà cấp 3. Đến ngày 29-9-2017 cụ L và cụ X do cụ L làm đại diện hợp hợp đồng tặng cho bà Y diện tích 169,6m² và bà Y được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS06473 ngày 25-10-2017. Do có nhu cầu vốn để kinh doanh nên vợ chồng bà Y đã thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS06473 ngày 25-10-2017 để vay tiền theo Hợp đồng tín dụng số 5700-LAV-201906214 ngày 23-7-2019, tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh N - Phòng Giao dịch Khu vực Hiệp N. Do tài sản của cụ L và cụ X đã tặng cho bà Y vào năm 2017. Đến năm 2019 cụ L và cụ X chết, không có để lại di sản. Bà Y không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của ông C.

Trong trường hợp Tòa án cho rằng cụ L đại diện cụ X lập hợp đồng tặng cho là bất hợp pháp thì yêu cầu xem xét lại phần tài sản của cụ X do cụ L làm đại diện đã đồng ý cho ông C, bà P diện tích 110,7m², tờ bản đồ số 43 (trên đất có căn kiot) được Tòa án công nhận vào ngày 21/6/2017.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Mỹ H1, Phạm Kim H2 có kiến:* Thống nhất với ý kiến của bà Y. Trước đây ông C lừa dối cha mẹ bà để tự ý đứng tên phần đất có diện tích 169,6 m², thuộc thửa đất số 220, tờ bản đồ số 43 (trên đất có căn nhà cấp 3A) và phần đất có diện tích 110,7m², thuộc thửa đất số 55, tờ bản đồ số 43 (trên đất có căn kiot); cả hai phần đất này liền nhau, đều tọa lạc tại Khu phố X, phường Z, thành phố T. Năm 2016, cụ L phát hiện nên khởi kiện ông C. Tại Bản án số: 104/2017/DS-PT ngày 21-6-2017, của Tòa án nhân dân tỉnh N, công nhận sự thỏa thuận về việc ông C trả lại cho cụ L và cụ X diện tích 169,6 m². Do cụ L đại diện cho cụ X đồng ý cho ông C phần đất có diện tích 110,7m². Đến ngày 29-9-2017 cụ L và cụ X do cụ L đại diện lập hợp đồng tặng cho bà Phạm Phương Y phần đất này và bà Y được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS06473 ngày 25-10-2017. Do đó, tài sản của cụ L và cụ X đã định đoạt xong. Trong trường hợp nếu Tòa án chia di sản thừa kế của cụ X, thì các bà từ chối không nhận phần di sản thừa kế.

Tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm bà Nguyễn Thị Kim L là người đại diện hợp pháp của bà H1, bà H2 trình bày: Trong trường hợp chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị X, bà H1 yêu cầu được nhận di sản thừa kế của cụ X theo quy định của pháp luật.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Minh P có ý kiến:* Không thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Trung C. Đến ngày 09-6-2020, bà Phạm Thị Minh P có đơn bổ sung ý kiến thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Trung C về yêu cầu hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, giữa cụ ông Phạm Văn L, cụ bà Nguyễn Thị X và bà Phạm Phương Y và yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản của mẹ bà là cụ bà Nguyễn Thị X chết để lại là trị giá 1/2 căn nhà cấp 3A và ½ diện tích đất thuộc thửa đất số 220, tờ bản đồ số 43, tọa lạc tại Khu phố X, phường Z, thành phố T, tỉnh N theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS06473 ngày 25-10-2017, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp cho bà Phạm Phương Y đứng tên và yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ X thành 07 phần bằng nhau, bà xin được nhận 01 phần thừa kế trị giá bằng tiền. Riêng trị giá 1/2 căn nhà cấp 3A gắn liền với và ½ diện tích đất thuộc thửa đất số 220, tờ bản đồ số 43 là tài sản của cụ L, khi còn sống cụ L đã tặng cho bà Phạm Phương Y. Nên bà không có ý kiến.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thanh T trình bày:* Bà thống nhất với lời trình bày của ông C về mối quan hệ huyết thống, con chung của cha mẹ bà, con riêng của cha bà. Khi cha mẹ bà chết năm 2019, không để lại di chúc. Khi còn sống cha mẹ bà có tạo lập được tài sản là căn nhà cấp 3A gắn liền với phần đất có diện tích 169,6m², thuộc thửa số 220, tờ bản đồ số 43, tọa lạc tại Khu phố X, phường Z, thành phố T, tỉnh N. Nay bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Trung C, về yêu cầu hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, giữa cụ ông Phạm Văn L, cụ bà Nguyễn Thị X và bà Phạm Phương Y và yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản của mẹ bà là cụ bà Nguyễn Thị X chết để lại là trị giá 1/2 căn nhà cấp 3A và ½ diện tích đất thuộc thửa đất số 220, tờ bản đồ số 43, tọa lạc tại Khu phố X, phường Z, thành phố T, tỉnh N theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS06473 ngày 25-10-2017, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp cho bà Phạm Phương Y đứng tên và yêu cầu thành 07 phần bằng nhau, bà xin nhận một phần thừa kế trị giá bằng tiền. Riêng trị giá 1/2 căn nhà cấp 3A ½ diện tích đất thuộc thửa đất số 220 còn lại là phần tài sản của cụ Phạm Văn L, khi còn sống cụ L đã tặng cho bà Phạm Phương Y.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thu S có bà Phạm Thanh T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:* Bà S thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Trung C. Nếu chia di sản của cụ X thì bà S yêu cầu được hưởng 01 phần thừa kế trị giá bằng tiền.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Thanh Nhật Đ trình bày:* Ông thống nhất với lời trình bày của bà Y. Ông không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị P trình bày:* Bà thống nhất với lời trình bày của ông C. Bà không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm bảo C, Phạm Bảo N, Phạm Hồng N, Phạm Bảo Q, trình bày:* Các ông, bà là con riêng của cụ Phạm Thị Liêu. Các đương sự không có ý kiến và cũng không có yêu cầu độc lập trong vụ án này nên xin vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh tỉnh N - Phòng Giao dịch khu vực Hiệp Ninh có ông làm đại diện trình bày:* Vợ chồng bà Phạm Phương Y, ông Hà Thanh Nhật Đ có vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh N - Phòng Giao dịch Khu vực Hiệp N số tiền 300.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 5700-LAV-2019-06214 ngày 23-7-2019. Mục đích vay mua sắm vật dụng sinh hoạt. Thời hạn vay: 24 tháng. Khi vay tiền, vợ chồng bà Y, ông Đ có thể chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS06473 ngày 25-10-2017 do bà Phạm Phương Y đứng tên, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 304/2019/HĐTC ngày 23-7-2019.

Do hợp đồng vay của vợ chồng bà Y, ông Đ chưa đến hạn trả nợ nên Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh N - Phòng Giao dịch Khu vực Hiệp N không yêu cầu Tòa án giải quyết Hợp đồng tín dụng số 5700-LAV-2019-06214 ngày 23-7-2019 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 304/2019/HĐTC ngày 23-7-2019 trong cùng vụ án này. Đồng thời, xin vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án. Nếu đến hạn mà vợ chồng bà Y, ông Đ không trả nợ thì Ngân hàng sẽ khởi kiện yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

- *Tại bản án dân sự sơ thẩm số 08/2020/DS-ST ngày 30-6-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh N đã quyết định:*

Căn cứ Điều 157, Điều 165, Điều 217, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 59, Điều 623, Điều 651, Điều 660 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Trung C:

Tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ở được lập ngày 29-9-2017, giữa cụ ông Phạm Văn L, cụ bà Nguyễn Thị X và bà Phạm Phương Y bị vô hiệu một phần đối với 1/2 tài sản là căn nhà cấp 3A và quyền sử dụng đất là di sản của cụ X trong khối tài sản chung giữa cụ X với cụ L.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của ông Phạm Trung C đối với bà Phạm Phương Y, về tranh chấp thừa kế tài sản của cụ bà Nguyễn Thị X.

3. Chia cho bà Phạm Thị Mỹ H1, bà Phạm Thị Kim H2, bà Phạm Thị Minh P, bà Phạm Thanh T, bà Phạm Thu S, bà Phạm Phương Y và ông Phạm Trung C mỗi người được hưởng phần di sản thừa kế của cụ bà Nguyễn Thị X trị giá 580.791.000 đồng (Năm trăm tám mươi triệu, bảy trăm chín mươi một nghìn đồng). Cách phân chia cụ thể như sau:

3.1. Bà Phạm Phương Y được sở hữu, quản lý, sử dụng toàn bộ phần di sản thừa kế của cụ bà Nguyễn Thị X là trị giá $\frac{1}{2}$ diện tích 169,6 m² thuộc thửa số 220, tờ bản đồ số 43, tọa lạc tại Khu phố X, phường Z, thành phố T, tỉnh N; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS06473 ngày 25-10-2017, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp cho bà Phạm Phương Y đứng tên, trên đất có căn nhà cấp 3A và các tài sản khác trên đất có tổng trị giá nhà đất là 8.131.076.000 đồng x $\frac{1}{2}$ =

4.065.538.000 đồng (Bốn tỷ không trăm sáu mươi lăm triệu năm trăm ba mươi tám nghìn đồng).

3.2. Buộc bà Phạm Phương Y có nghĩa vụ thanh toán (hoàn trả) cho bà Phạm Thị Mỹ H, bà Phạm Thị Kim H, bà Phạm Thị Minh P, bà Phạm Thanh T, bà Phạm Thu S và ông Phạm Trung C mỗi người được sở hữu số tiền 580.791.000 đồng. (Năm trăm tám mươi triệu bảy trăm chín mươi một nghìn đồng).

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về lãi suất chậm thi hành án; về đình chỉ giải quyết một phần vụ án do ông Phạm Trung C rút yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CSO6473 ngày 25-10-2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp cho bà Phạm Phương Y; về chi phí đo đạc, định giá; về án phí dân sự sơ thẩm; về quyền kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

- Ngày 10/7/2020, bị đơn Phạm Phương Y kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Trung C.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn bà Phạm Phương Y giữ nguyên kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì phần nhà và đất do cụ L tặng cho bà là hợp pháp. Do cụ L là chồng của cụ X và cụ X bị mất năng lực hành vi dân sự nên cụ L là người đại diện để lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất là đúng theo quy định của pháp luật.

- Nguyên đơn ông Phạm Trung C có bà Lê Thị Kiều Diễm đại diện đồng ý với nội dung án sơ thẩm đã tuyên. Đề nghị bác yêu cầu kháng cáo của bà Y, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H1, bà H2, bà P có bà Nguyễn Thị Kim L làm đại diện trình bày: Đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Y, sửa án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông C về việc đòi thừa kế là $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản là căn nhà cấp 3A và đất thuộc thửa số 220, tờ bản đồ số 43, tọa lạc tại Khu phố X, phường Z, thành phố T, tỉnh N vì căn nhà và đất cụ L đã tặng cho bà Y.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố H phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Đơn kháng cáo của bị đơn Phạm Phương Y hợp lệ đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Các đương sự trong vụ án đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên đề nghị xét xử phúc thẩm vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm chia thừa kế cho các đương sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Vì vậy đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự bác đơn kháng cáo của bà Y, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo bị đơn Phạm Phương Y làm trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Những người có quyền lợi liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Nên Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét kháng cáo của bà Y không chấp nhận chia thừa kế $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản là căn nhà cấp 3A và $\frac{1}{2}$ diện tích đất 169,6 m² thuộc thửa số 220, tờ bản đồ số 43, tọa lạc tại Khu phố X, phường Z, thành phố T, tỉnh N do bà Y đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất số phát hành CS06473 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh N cấp ngày 25-10-2017. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Các đương sự đều thừa nhận cụ Phạm Văn L (chết ngày 21/02/2019) và cụ bà Nguyễn Thị X (chết 07/11/2019). Khi còn sống vợ chồng cụ L, cụ X có tạo lập được tài sản chung là phần đất ngang 11 mét dài 24 mét tọa lạc tại Khu phố X, phường Z, thành phố T, tỉnh N. Vợ chồng cụ L có xây dựng 1 căn nhà cấp 3 có 1 lầu trên đất. Đến năm 2005 vợ chồng cụ L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 257,8m² đất thuộc thửa 55 tờ bản đồ số 43, tọa lạc tại Khu phố 7, Phường 3, thị xã Tây Ninh nay là thành phố T, tỉnh N. Ngày 27/7/2005 cụ L lập hợp đồng tặng cho tặng cho ông C và bà P toàn bộ diện tích đất chiều ngang 11 mét, chiều dài 24,05m. Đến năm 2016 ông C, bà P được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 2017 cụ L khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho lập ngày 27/7/2005 buộc vợ chồng ông C trả lại nhà và đất thửa 55 tờ bản đồ số 43, tọa lạc tại khu phố 3, Phường 3, thị xã Tây Ninh nay là thành phố T, tỉnh N. Cụ L cho rằng ông C đã lừa dối để đứng tên toàn bộ diện tích đất của vợ chồng cụ L, cụ X. Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2017/DSST ngày 11/01/2017 đã tuyên xử vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ L, cụ X với ông C, bà P lập ngày 27/7/2005 và buộc ông C bà P giao trả lại tài sản cho cụ L và cụ X diện tích đất 255,3m² đất và tài sản gắn liền trên đất gồm căn nhà cấp 3, nhà phụ, công trình phụ và nhà cấp 4 (kiot). Sau đó ông C và bà P kháng cáo bản án sơ thẩm.

Ngày 29/5/2017 Tòa án nhân dân tỉnh N lập biên bản thỏa thuận (BL số 637) giữa cụ L với vợ chồng ông C và cụ L đồng ý cho ông C và bà P phần đất có gắn căn kiot tính từ vách tường chung đo ngang qua hết đất, chiều dài tính hết đất; vợ chồng cụ L, cụ X lấy lại phần đất có gắn căn nhà lầu tính từ vách tường chung đo ngang qua hết đất, chiều dài tính hết đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 151284 cấp ngày 03/3/2016 do ông C, bà P đứng tên.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 104/2017/DSPT ngày 21/6/2017 đã công nhận thỏa thuận giữa cụ L và vợ chồng ông C, bà P (BL số 638-645) có nội dung: Cụ L và cụ X được quyền sử dụng diện tích 169,6m² đất ONT và CLN có gắn căn nhà cấp 3 một tầng lầu một tầng trệt, ông trình phụ gắn với nhà cấp 3; ông C và bà

P được sử dụng phần đất 110,7m² ODT và CLN có gắn căn kiot, nhà bếp nhà vệ sinh. Các phần đất cùng thửa 55 bản đồ số 43 tọa lạc Khu phố X, phường Z, thành phố T.

[3.2] Sau khi vợ chồng cụ L, cụ X được được Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 169,6m², thuộc thửa số 220, tờ bản đồ số 43. Ngày 29/9/2017 vợ chồng cụ L, cụ X (cụ L đại diện hợp pháp của cụ X) lập hợp đồng tặng cho bà Y quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất diện tích 169,6m² đất tại thửa mới 220 tờ bản đồ số 43 có chứng thực của Ủy ban nhân dân phường 3, thành phố T (BL số 262-263). Bà Y thực hiện kê khai đăng ký và được Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 25-10-2017.

Ông C và người đại diện hợp pháp của ông C khai rằng do Cụ X là người mất năng lực hành vi dân sự và cụ L là người giám hộ nhưng cụ L lấy tài sản chung của cụ L và cụ X để tặng cho bà Phạm Phương Y là không đúng quy định của pháp luật nên yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất.

Xét thấy, tại Điều 24 Luật hôn nhân và gia đình 2014 quy định: “*Vợ, chồng đại diện cho nhau khi một bên mất năng lực hành vi dân sự mà bên kia có đủ điều kiện làm người giám hộ hoặc khi một bên bị hạn chế năng lực hành vi dân sự mà bên kia được Tòa án chỉ định làm người đại diện theo pháp luật cho người đó...*”.

Do cụ X và cụ L và vợ chồng và cụ X là người mất năng lực hành vi dân sự, ngày 28/10/2016 Tòa án có quyết định tuyên bố cụ X mất năng lực hành vi dân sự và cụ L là người giám hộ cho cụ X, sau đó cụ L đại diện cụ X để tham gia giải quyết tranh chấp với ông C về việc đòi lại quyền sử dụng đất và chính cụ L là người thỏa thuận cho vợ chồng ông C diện tích đất có gắn căn kiot và ông C có trách nhiệm trả lại cho vợ chồng cụ L, cụ X diện tích đất có gắn căn nhà cấp 3. Đến khi cụ L, cụ X được cấp quyền sử dụng đất diện tích 169,6m² đất tại thửa mới 220 tờ bản đồ số 43, tọa lạc tại Khu phố X, phường Z, thành phố T, tỉnh N, cụ L đại diện cụ X lập hợp đồng tặng cho bà Y quyền sử dụng đất diện tích 169,6m² đất tại thửa mới 220 là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 167 Luật đất đai năm 2013 và điểm d, đ khoản 2 Điều 5 Nghị định 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ về chứng thực hợp đồng, giao dịch và phù hợp theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 58 Bộ luật dân sự.

Tại Văn bản ngày 04/4/2019 của Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh N cũng đã xác định: Ngày 25/09/2017 cụ L và cụ X được Sở Tài Nguyên và Môi trường Thành phố H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 169,6m², thuộc thửa số 220, tờ bản đồ số 43, tọa lạc tại: Khu phố X, phường Z, thành phố T, tỉnh N. Ngày 29/9/2017 cụ L và cụ X đã lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho bà Y được Ủy ban nhân dân phường 3 chứng thực. Căn cứ Điều 79 Nghị định 43/2014/NĐ-CP Ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai thì việc Sở Tài Nguyên và Môi trường Thành phố H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 169,6 m², thuộc thửa số 220, tờ bản đồ số 43, tọa lạc tại: Khu phố X, phường Z, thành phố T, tỉnh N cho bà Y là đúng, trình tự, thủ tục quy định.

Mặt khác, sau khi bà Y được cụ L tặng cho quyền sử dụng đất và bà Y được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 25/10/2017. Ngày 01/12/2017 ông C, bà Y, bà H1, bà T, bà P lập giấy thỏa thuận về việc phân chia tài sản (BL số 491) đối với phần đất tại số 572 Cách Mạng Tháng Tám, Khu phố X, phường Z, thành phố T, tỉnh N ngang 10,8 mét chiều dài hết đất có nội dung: “*Bà Y cho lại phần đất và nhà chiều ngang 6,8m mà bà Y đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà cho riêng ông C. Điều kiện tặng cho: Ông C có trách nhiệm chăm sóc cụ L và cụ X đến khi ông bà qua đời; sau này ông C có nghĩa vụ thờ phụng ông bà, cha mẹ theo đúng tập quán, gia đình, đảm bảo cho các chị em được quyền về thăm nom cúng kiếng, không được quyền ngăn cản; Ông C và bà P tặng cho lại bà Y nhà và đất mà ông bà đang đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sở hữu nhà, có chiều ngang 4,08 mét, dài hết đất, cho riêng bà Y (tặng cho không điều kiện). Thời gian thực hiện thủ tục tặng cho theo đúng trình tự pháp luật: Ngày 08/12/2017 sau khi ông C, bà P nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; các bên cam kết thống nhất với ý kiến thỏa thuận trên, không khởi kiện tại Tòa án sau này*”.

Ông C thừa nhận có ký tên trong giấy thỏa thuận phân chia tài sản ngày 01/12/2017 nhưng do bà Y không đến phòng công chứng để làm thủ tục tặng cho lại đất cho ông C nên không thực hiện được việc phân chia theo thỏa thuận. Còn bà Y thì khai rằng do ông C không đồng ý nhận căn nhà cấp 3 gắn liền với diện tích 169,6m² đất tại thửa mới 220 tờ bản đồ số 43 dùng vào việc thờ cúng mà ông nhận diện tích 110,7m² có gắn căn kiot để ông C được quyền sang bán.

Mặc dù việc thỏa thuận phân chia lại tài sản ngày 01/12/017 không thành. Nhưng có căn cứ xác định các con của cụ L cũng biết rõ việc cụ X là người mất năng lực hành vi dân sự nên cụ L là người giám hộ đương nhiên đại diện của cụ X, cụ L đồng ý tặng cho vợ chồng ông C, bà P diện tích 110,7m² ODT và CLN có gắn căn kiot, nhà bếp nhà vệ sinh theo biên bản thỏa thuận ngày 29/5/2017, sau khi được ông C trả lại diện tích 169,6m² đất có gắn căn nhà cấp 3 tại thửa mới 220 tờ bản đồ số 43 cụ L đã lập hợp đồng tặng cho bà Y vào ngày 29/9/2017, những người có con của cụ X đều không có ý kiến phản đối hoặc ngăn cản. Bà Y đã được cấp giấy chứng nhận được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất ngày 25-10-2017. Đến ngày 01/12/2017 ông C, bà Y tiếp tục thỏa thuận phân chia lại tài sản có sự chứng kiến đồng ý ký tên của ông C, bà Y, bà P, bà T, bà H1.

Việc thỏa thuận ngày 01/12/2017 phù hợp với ý chí của cụ L, và cụ X khi khởi kiện ông C vào năm 2015 để đòi lại đất. Tại đơn yêu cầu ngày 25/5/2015 (BL số 558) của cụ Phạm Văn L có nêu “*Vào ngày 27/7/2005 vợ chồng tôi có làm thủ tục sang tên cho vợ chồng Phạm Trung C, Nguyễn Thị P diện tích 7 mét ngang theo hợp đồng công chứng số 919, trước khi đến phòng công chứng tôi có nói rõ chỉ cho phần 7 mét nhà thờ, còn 4 mét nhà xe để cho con Yến...Sau thời gian gần đây các con gái tôi biết được sự việc tôi có họp gia đình 4 lần cũng yêu cầu vợ C P và cháu Hảo (con ông C) tách lại 4 mét nhà xe cho con gái út tôi như đã hứa nhưng vợ chồng C không đồng ý...*” các con của cụ L, cụ X có lời khai được thể hiện tại hồ sơ, cụ thể tại lời khai của bà Phạm Mỹ Hạnh ngày 27/5/2015, ngày 09/5/2018, ngày 11/3/2020 có nội dung: “*Ba mẹ chỉ cho tạm phần đất ngang 7 mét để tách sổ đỏ*

tiện việc vay vốn ngân hàng làm ăn và làm nơi thờ cúng, còn lại 4 mét chiều ngang đất trống để lại cho ba mẹ sau này ba mẹ cho Phạm Phương Y là em út trong nhà, vấn đề trên cả gia đình ai cũng biết vì có bàn bạc trong gia đình...khi ba mẹ có ý định cho phần đất cho vợ chồng anh C 7 mét ngang, phần còn lại cho chị Yến thì các con trong gia đình đều biết” (BL số 109, 556, 557) tại bản tự khai ngày 08/5/2018 (BL số 106) và đơn khiếu nại ngày 01/4/2020 của bà Phạm Thị Kim H có nêu: *Cha tôi đại diện mẹ tôi cho ông C 4m ngang, dài 24m còn lại cho Phạm Phương Y 7m, 24m dùng để làm nhà thờ cúng ông bà, chị em tôi cùng về sum họp...*”; Tại biên bản lấy lời khai ngày 31/7/2019 (BL số 326-327) bà H2 khai: *“Các anh chị em đều biết việc cụ L tặng bà Y có chứng thực tại Ủy ban nhân dân phường 3, thành phố T vào ngày 29/9/2017, không ai phản đối”*; Bà Phạm Thị Minh P có ý kiến không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C. Tuy nhiên đến ngày 26/7/2019 bà P thay đổi ý kiến, buộc bà Y trả lại phần tài sản của cụ X và sẽ do bà quản lý. Riêng bà T và bà S có ý kiến đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông C.

Tại phiên tòa phúc thẩm, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H2, bà H1, bà P ủy quyền cho bà Luông làm đại diện khai: Bà H2, bà P và bà T có ký tên trong văn bản thỏa thuận chia tài sản ngày 01/12/2017, đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Y, bác yêu cầu khởi kiện của ông C đòi chia di sản của cụ X là $\frac{1}{2}$ nhà và diện tích đất tại thửa mới 220 tờ bản đồ số 43 tọa lạc Khu phố X, phường Z, thành phố T, tỉnh N vì tài sản của bà Y đã được cụ L tặng cho ông C, bà P.

Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Y, sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C về việc yêu cầu vô hiệu một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 29-9-2017 giữa cụ ông Phạm Văn L, cụ bà Nguyễn Thị X và bà Phạm Phương Y đối với đối với $\frac{1}{2}$ tài sản là căn nhà cấp 3A và quyền sử dụng đất là di sản của cụ X trong khối tài sản chung là diện tích 169,6m² đất thuộc thửa số 220, tờ bản đồ số 43, tọa lạc tại: Khu phố X, phường Z, thành phố T, tỉnh N.

[3.3] Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C về việc yêu cầu vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 29-9-2017, giữa cụ ông Phạm Văn L, cụ bà Nguyễn Thị X và bà Phạm Phương Y. Cho nên ngày 21/02/2019 cụ L chết, ngày 07/11/2019 cụ X chết, căn nhà cấp 3A và quyền sử dụng đất diện tích 169,6m² đất thuộc thửa số 220, tờ bản đồ số 43, tọa lạc tại Khu phố X, phường Z, thành phố T, tỉnh N không phải là di sản của cụ X và cụ L để lại. Ông C yêu cầu phân chia di sản của cụ X là $\frac{1}{2}$ tài sản là căn nhà cấp 3A và quyền sử dụng đất là di sản của cụ X trong khối tài sản chung là diện tích 169,6m² đất thuộc thửa số 220, tờ bản đồ số 43, tọa lạc tại: Khu phố X, phường Z, thành phố T, tỉnh N là không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Do đó chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Phương Y, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Trung C yêu cầu tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ở được lập ngày 29-9-2017, giữa cụ Phạm Văn L, cụ Nguyễn Thị X và bà Phạm Phương Y vô hiệu; Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Trung C đối với bà Phạm Phương Y, về tranh chấp thừa kế tài sản của cụ bà Nguyễn Thị X là trị giá $\frac{1}{2}$ diện tích 169,6 m² thuộc thửa số 220, tờ bản đồ số 43, tọa lạc tại Khu phố X, phường Z, thành phố T, tỉnh N theo

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS06473 ngày 25-10-2017, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp cho bà Phạm Phương Y đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[5] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, thẩm định giá: Ông C khởi kiện không được chấp nhận nên ông C phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc, thẩm định giá quy định tại các Điều 157, 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Không chấp nhận yêu cầu của ông C yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu, yêu cầu chia di sản thừa kế không được chấp nhận nên ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm b khoản 3 và điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Phương Y kháng cáo được chấp nhận nên bà không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả tiền nộp tạm ứng án phí phúc thẩm cho đương sự theo biên lai thu của Cục Thi hành án dân sự tỉnh N.

[8] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về đình chỉ giải quyết một phần vụ án do ông C rút yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS06473 ngày 25-10-2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp cho bà Phạm Phương Y không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Phương Y. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 08/2020/DS-ST ngày 30-6-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh N.

Áp dụng Điều 100, 166 Luật đất đai năm 2013; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 154, 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 3, 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Trung C yêu cầu tuyên bố vô hiệu Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ở được lập ngày 29-9-2017 giữa cụ ông Phạm Văn L, cụ bà Nguyễn Thị X và bà Phạm Phương Y đối với $\frac{1}{2}$ tài sản là căn nhà cấp 3A và quyền sử dụng đất diện tích 169,6 m² thuộc thửa số 220, tờ bản đồ số 43, tọa lạc tại Khu phố X, phường Z, thành phố T, tỉnh N.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của ông Phạm Trung C về việc yêu cầu chia di sản của cụ bà Nguyễn Thị X đối với $\frac{1}{2}$ tài sản là căn nhà cấp 3A và quyền sử dụng đất diện tích 169,6 m² thuộc thửa số 220, tờ bản đồ số 43, tọa lạc tại:

Khu phố X, phường Z, thành phố T, tỉnh N theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS06473 ngày 25-10-2017, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp cho bà Phạm Phương Y.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Phạm Trung C phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc, thẩm định giá là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng). Được khấu trừ vào số tiền do ông C đã nộp tạm ứng. Đương sự đã nộp đủ.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Trung C phải nộp 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí 50.525.000 đồng (Năm mươi triệu năm trăm hai mươi lăm ngàn đồng) theo các biên lai thu số 0004813 ngày 20/11/2017; biên lai thu số 0005614 ngày 18/06/2018 của Chi cục Thi hành án thành phố T và biên lai thu số 0000815 ngày 18/01/2019 và biên lai thu số 0001202 ngày 02/01/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh N. Hoàn trả cho ông Phạm Trung C số tiền nộp tạm ứng án phí còn lại là 49.925.000 đồng (Bốn mươi chín triệu chín trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Phương Y không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Y số tiền nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0001358 ngày 13/7/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh N.

6. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về đình chỉ giải quyết một phần vụ án do ông C rút yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS06473 ngày 25-10-2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp cho bà Phạm Phương Y không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Trần Thị Thúy Hồng